

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Hà Nam
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 214/TTr-SKHĐT ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- VPUB: LĐVP, các CV;
- Lưu: VT, TH(Ấ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Quốc Huy

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Hà Nam

thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh). Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm cụ thể hóa các phương án quy hoạch ngành, lĩnh vực được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh. Đồng bộ hệ thống các quy hoạch trên địa bàn tỉnh; bảo đảm sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch có liên quan. Xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

c) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo nội dung quy hoạch đã được phê duyệt. Trong tổ chức thực hiện phải chủ động, sáng tạo, linh hoạt, có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các sở, ngành, địa phương.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tuân thủ, kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng; tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương. Bám sát định hướng năm trụ cột kinh tế: công nghiệp, công nghệ cao, nông nghiệp, đô thị và du lịch để thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, toàn diện theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong đó chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (hạ tầng giao thông, đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao,...).

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, trong đó đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Dự án đầu tư công

a) Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng; đặc biệt là các tuyến đường kết nối các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Hồng, các tuyến đường tạo ra không gian phát triển mới, các tuyến kết nối giao thông với vùng và các địa phương có tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (*Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình*); hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, vùng sản xuất nông nghiệp, khu du lịch, khu logistic, khu đại học; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, chuyển đổi số; hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhất là các đô thị động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

b) Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê điều, cấp nước, xử lý rác thải, nước thải, y tế, giáo dục, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển xanh và phát triển bền vững; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật du lịch, đáp ứng các tiêu chí của khu vực được công nhận khu du lịch quốc gia, các khu du lịch của tỉnh; trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh; đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng; đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự chủ về đầu tư; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn; đầu tư cơ sở bảo trợ xã hội công lập; cơ sở cai nghiện; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực khoa học và công nghệ; các công trình, dự án cấp thoát nước; công trình thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt; hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao; dự án điện; dự án Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Voọc mông trắng;...

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Đẩy mạnh thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

b) Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư bao gồm: Hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp; công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; nguồn điện và lưới điện; dự án đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hạ tầng logistics, bến cảng đường thủy nội địa; cấp nước sạch; các khu đô thị, khu du lịch, khu thể thao, khu đại học; cơ sở hạ tầng giáo dục đào tạo, y tế, du lịch, dịch vụ xã hội, tài chính ngân hàng, thông tin và truyền thông, bưu chính, viễn thông, văn hóa, thể thao, thương mại, dịch vụ. Thu hút đầu tư các dự án về Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học Khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh.

Khuyến khích thực hiện thu hút đầu tư các dự án đầu tư sản xuất vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao theo quy hoạch.

c) Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

(Danh mục dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục II kèm theo).

Đối với dự án không thuộc danh mục các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư tại Phụ lục II được tổ chức thực hiện theo các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, điều kiện thực tiễn của địa phương và khả năng huy động nguồn lực triển khai thực hiện.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Nam 5 năm 2021 - 2025

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền ban hành, Chỉ tiêu phân bổ sử dụng đất tỉnh Hà Nam được Chính phủ phê duyệt để triển khai công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và chỉ đạo lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021-2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Xây dựng kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2026 - 2030

Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử

dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc.

- Dành quỹ đất hợp lý ưu tiên phát triển thương mại dịch vụ, du lịch; phát triển và mở rộng khu, cụm công nghiệp tập trung; xây dựng các khu đô thị, khu dân cư nông thôn. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng gắn với quá trình phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ và mở rộng dân cư đô thị, nông thôn.

- Dành đủ quỹ đất cho các mục đích văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, công trình năng lượng, bưu chính viễn thông, nghiên cứu khoa học,... nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

- Bảo vệ và phát triển diện tích rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng để bảo vệ môi trường.

- Khai thác sử dụng đất phải coi trọng công tác quốc phòng, an ninh; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái nhằm sử dụng đất ổn định và bền vững, phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh và vùng.

4. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Để bảo đảm mục tiêu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 11,2%/năm trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030, tỉnh Hà Nam cần huy động tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 758 nghìn tỷ đồng, cụ thể: Theo phương án tăng trưởng và cơ cấu kinh tế đã lựa chọn, dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2021-2030 khoảng 758 nghìn tỷ đồng, trong đó, giai đoạn 2021-2025 khoảng 234,5 nghìn tỷ đồng và khoảng 523,5 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2026-2030.

Đơn vị tính: nghìn tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	Giai đoạn 2021-2030	Cơ cấu (%)
	Tổng số	234,5	523,5	758	100%
1	Nguồn vốn khu vực Nhà nước	41,6	66,2	107,8	14,22%
2	Nguồn vốn khu vực ngoài Nhà nước	123,5	256,3	379,8	50,11%
3	Nguồn vốn khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI)	69,4	201	270,4	35,67%

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

a) Rà soát, bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch. Tập trung rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo quy định của pháp luật, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực cần thiết của tỉnh; thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

c) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội phù hợp với thành tựu phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

a) Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư cởi mở, thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách; sử dụng tiết kiệm đất và ít thâm dụng lao động; có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; nhất là trong các ngành, lĩnh vực then chốt như: công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, điện tử, sản phẩm phụ trợ ngành sản xuất ô tô, điện tử; các khu du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp, khu đô thị,...

b) Tổ chức tốt các hội nghị đối thoại thường xuyên giữa doanh nghiệp và các cấp chính quyền. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Đảm bảo công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Tiếp tục kêu gọi thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, điện tử, chế biến nông sản, cơ khí chế tạo,... Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu du lịch, khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao (*cấp điện, nước, đường giao thông,...*). Chủ động thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ đề ra.

d) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là thủ tục hành chính trong công tác thẩm định, cấp quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn các nhà đầu tư đến tìm hiểu cơ hội và tiến hành đầu tư tại

tỉnh; rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án triển khai chậm, kém hiệu quả.

3. Phát triển nguồn nhân lực

a) Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu từng thời kỳ phát triển của Tỉnh, phù hợp xu thế phát triển chung của vùng và cả nước. Bên cạnh đó, trước mắt triển khai thực hiện một số chương trình, dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh như: chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng, chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b) Nghiên cứu xây dựng Đề án về vấn đề việc làm trong bối cảnh CMCN 4.0 để nhận diện ra sự thay đổi, biến động của thị trường lao động và vấn đề việc làm trong bối cảnh CMCN 4.0; Đề án Đào tạo và đào tạo lại nhân lực trong bối cảnh CMCN 4.0 để nhận diện ra những nghề cần đào tạo để chuẩn bị nhân lực; những ngành nghề và con người nào cần đào tạo và đào tạo lại để chuẩn bị nhân lực.

c) Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức. Điều chỉnh cơ cấu đào tạo theo hướng sát nhu cầu thực tế, tập trung vào các nghề, lĩnh vực thị trường có nhu cầu cao như: kế toán, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, giáo viên, hướng dẫn viên du lịch, nghiên cứu khoa học ứng dụng, giáo dục ý chí khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, xây dựng quê hương Hà Nam giàu đẹp, văn minh cho con người Hà Nam từ ghế nhà trường, giảng đường các trường đào tạo nghề (*đại học, cao đẳng...*) đến môi trường làm việc. Gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh Hà Nam.

d) Nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, trong đó tập trung thu hút đầu tư hoàn thiện hạ tầng tại Khu Đại học Nam Cao. Đồng thời đặc biệt quan tâm thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển các trường đào tạo nghề chất lượng cao, với quy mô đào tạo tăng mạnh, trong đó tập trung đào tạo trình độ cao đẳng; tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố; hợp tác, liên kết với các trường đại học để xây dựng các cơ sở mới tại tỉnh.

đ) Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, xây dựng các cơ chế chính sách của tỉnh nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về làm việc tại tỉnh; thu hút nhà đầu tư thành lập các cơ sở giáo dục ngoài công lập

e) Đẩy mạnh công tác dự báo nhu cầu thị trường lao động trong trung hạn và dài hạn. Nghiên cứu nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong cuộc CMCN 4.0 để định hướng đào tạo đối với các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, nông nghiệp công nghệ

cao, chăm sóc sức khỏe, ngoại ngữ sẽ có nhu cầu lao động rất lớn mở ra cơ hội việc làm cho lao động trong tỉnh và vùng. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS cùng với việc định hướng nghề nghiệp phù hợp với thực tế thị trường lao động.

g) Xây dựng hệ thống mạng lưới thông tin thị trường lao động, phát triển sản phẩm dịch vụ việc làm, kết nối thông tin thị trường lao động, nhằm cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý, các nhà đầu tư, các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề để thực hiện chức năng làm cầu nối liên kết giữa cung và cầu lao động, giữa người lao động, cơ sở đào tạo và cơ sở sử dụng lao động; tăng cường sự gắn kết giữa đào tạo và sử dụng lao động. Quan tâm tăng mạnh nguồn lực từ ngân sách nhà nước để thực sự là đòn bẩy tác động vào lĩnh vực đào tạo nghề; thông qua các chính sách hỗ trợ từ nhà nước, cơ chế đặt hàng, kết hợp với xã hội hóa, khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân để tạo đột phá về công tác đào tạo nghề. Tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và sự tham gia của người dân để thực hiện hiệu quả các chương trình, mục tiêu quốc gia về y tế và dân số.

4. Phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Triển khai thực hiện nghị quyết 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu ứng dụng thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trước mắt là trong hệ thống chính trị của tỉnh như: Xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số (trước mắt tập trung vào việc giải quyết các thủ tục hành chính trực tuyến, xây dựng thành phố thông minh, quản lý xã hội; thanh toán không dùng tiền mặt (trước mắt triển khai trong một số lĩnh vực như y tế, giáo dục, nộp thuế); quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử, ứng dụng trong công tác quản lý nhà nước.

b) Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư, phát triển nguồn nhân lực cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh chuyển đổi số để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu phát triển các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; hỗ trợ tạo lập và phát triển quyền sở hữu công nghiệp.

c) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội; đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về vai trò, vị trí của khoa học công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

d) Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản của tỉnh.

5. Về bảo đảm an sinh xã hội

a) Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao

chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Triển khai kịp thời các chính sách về hỗ trợ tạo việc làm; đào tạo nghề cho lao động tại doanh nghiệp; hỗ trợ giảm nghèo, trong đó ưu tiên hộ không có khả năng lao động, hộ cận nghèo có thành viên đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới do khó khăn đột xuất.

b) Thực hiện đào tạo, đào tạo lại ngành, nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện chính sách quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

c) Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên. Huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

d) Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, quan tâm hơn nữa chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Xây dựng và triển khai hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng.

6. Về bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, các vùng miền; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường. Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

b) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường. Rà soát, chấn chỉnh, tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

c) Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, làng nghề.

d) Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

đ) Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường các khu vực

đã bị ô nhiễm, suy thoái do trước đây để lại. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung theo kế hoạch.

7. Về bảo đảm nguồn lực tài chính

a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

- Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và có các biện pháp phát triển nguồn thu, tăng thu ngân sách cho đầu tư phát triển. Có biện pháp phù hợp, đúng quy định để huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, bao gồm khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn các giai đoạn, ưu tiên các công trình quan trọng, cấp bách, có tính kết nối, tạo động lực cho phát triển. Đồng thời, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thực hiện để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công có hiệu quả.

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng nguồn thu sự nghiệp; không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn vốn; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước. Tiếp tục cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả, đồng thời khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dồi dào, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Giải pháp huy động nguồn lực từ tài chính đất đai (*thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất*). Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài. Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, thu hút làn sóng đầu tư mới có chất lượng nhằm phát triển công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, chế biến nông sản. Tăng cường xúc tiến đầu tư thông qua các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn.

- Thu hút các doanh nghiệp, đối tác đem theo công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại; các tập đoàn đa quốc gia (TNCs) hàng đầu thế giới; các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) đến từ các nền kinh tế phát triển: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc... tạo tác động lan toả tích cực tới sự phát triển của khu vực kinh tế trong tỉnh; góp phần xây dựng và hình thành những ngành công nghiệp mũi nhọn theo định hướng của tỉnh như: công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ...

- Triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu KCN, CCN, khu du lịch, các dịch vụ xã hội phục vụ công nghiệp... theo quy hoạch được duyệt. Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư vào địa bàn tỉnh, như chuẩn bị địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, đào tạo nguồn nhân lực...

- Phát huy vai trò của các cơ quan của tỉnh về hỗ trợ đầu tư và phát triển doanh nghiệp tiếp nhận và xử lý thông tin nhằm xử lý kịp thời, nghiêm túc mọi phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu của tỉnh thông qua việc xây dựng những biểu trưng, ấn phẩm, những đặc điểm riêng biệt của tỉnh Hà Nam so với các địa phương khác, tổ chức xúc tiến, quảng bá các điểm đến hấp dẫn, điều kiện hạ tầng và yếu tố con người Hà Nam... với các bạn bè, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn. Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá để hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hướng tới mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các dự án PPP phải được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng; công tác chuẩn bị hồ sơ và công việc sơ bộ cần được ưu tiên và tập trung thực hiện trước khi bắt đầu các cuộc thảo luận PPP với các nhà đầu tư tiềm năng.

8. Về công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Bố trí các công trình quốc phòng theo các hướng dẫn, quy định của Bộ Quốc phòng.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới,

nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, thị trấn và phù hợp với lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh:

- Xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch này; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này và kết quả thực hiện Quy hoạch tỉnh về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 10 hằng năm để tổng hợp, báo cáo các bộ, ngành Trung ương và Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, các cơ quan, địa phương, đơn vị nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) để xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo các bộ, ngành Trung ương và Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.